

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ DẦU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2017/HNGĐ-ST
Ngày 11-8-2017
V/v tranh chấp hôn nhân gia đình
về yêu cầu ly hôn, nuôi con và chia
tài sản chung.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Bình.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thản;
2. Bà Phan Thị Kiên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Minh Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu tham gia phiên tòa:

Bà Phạm Thị Kim Dân – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 223/2017/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2017 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình về yêu cầu ly hôn, nuôi con và chia tài sản chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2017/QĐST-HNGĐ, ngày 24 tháng 7 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Trúc L, sinh năm: 1994; địa chỉ cư trú: Tổ 17, ấp C, xã T, huyện G, tỉnh Tây Ninh; tạm trú: ấp LK, xã G, huyện T, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Lê Viết N, sinh năm: 1988; địa chỉ cư trú: Tổ 17, ấp C, xã T, huyện G, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14-4-2017 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, chị Nguyễn Thị Trúc L trình bày:

Chị và anh N chung sống với nhau từ tháng 01 năm 2013, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T. Nữ trang ngày cưới

gồm 01 đôi bông 01 chỉ vàng 24 k; 01 sợi dây chuyền 02 chỉ 24 k; 01 chiếc lắc 02 chỉ vàng 24 k và cặp nhẫn cưới vàng 18 k, trọng lượng không rõ. Số nữ trang này hiện còn 01 đôi bông 01 chỉ vàng 24 k; 01 sợi dây chuyền 02 chỉ 24 k và cặp nhẫn cưới 18 k, khi hai vợ chồng ly thân chị đã gửi lại cho mẹ chồng giữ, chiếc lắc không còn do hai vợ chồng đã bán để đổi bộ vòng ximen 03 chỉ vàng 18 k, hiện chị đang giữ. Sau khi kết hôn vợ chồng chị sống tại nhà cha mẹ chồng ở tổ 17, ấp C, xã T, huyện G, tỉnh Tây Ninh. Vợ chồng sống đến tháng 02 năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh N thường tham gia cá độ đá banh gây nợ nần, nhiều lần mẹ chồng phải trả nợ thay, anh N đi làm có đưa tiền lương cho chị nhưng kêu chị đưa lại cho anh tiêu xài còn nhiều hơn số tiền anh đưa, vợ chồng sống chung với cha mẹ chồng, chi tiêu trong gia đình chồng thì vợ chồng chị phải lo nhưng anh N không lo cho gia đình, hai vợ chồng thường gây gổ về tiền bạc, khi vợ chồng cãi nhau anh N còn đánh và đuổi chị đi. Vì vậy, chị về nhà cha mẹ chị sống từ tháng 02 năm 2017, anh N không đến rước chị về cũng không điện thoại kêu chị về. Nay vợ chồng không còn tình cảm, chị xin ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Lê Nguyễn Khánh V, sinh ngày 13-12-2013. Hiện cháu đang sống với anh N. Chị yêu cầu được nuôi dưỡng cháu V, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Theo đơn khởi kiện chị yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng, nhưng ngày 23-6-2017 chị có đơn rút yêu cầu chia tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong văn bản tự khai ngày 30-5-2017 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án anh Lê Viết N trình bày:

Vợ chồng anh sống chung với nhau từ cuối năm 2012, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T. Nữ trang ngày cưới gồm 01 đôi bông 01 chỉ vàng 24 k; 01 sợi dây chuyền 02 chỉ 24 k; 01 cặp nhẫn cưới vàng 18 k, trọng lượng không rõ. Số nữ trang này mẹ anh đang giữ do khi vợ bỏ nhà đi đã tự trả lại nữ trang cho mẹ anh. Sau khi kết hôn vợ chồng anh sống tại nhà cha mẹ ruột anh ở tổ 17, ấp C, xã T, huyện G, tỉnh Tây Ninh. Hai vợ chồng sống đến tháng 02 năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh đi làm ca, thường buồn ngủ, anh mua tai nghe không dây để nghe nhạc cho đỡ buồn ngủ nhưng không hỏi ý kiến vợ, vợ không đồng ý cho rằng mua như vậy tốn tiền. Vì vậy hai vợ chồng gây gổ, vợ tự ý bỏ đi về nhà cha mẹ vợ sống đó đến nay không về. Anh có điện thoại năn nỉ vợ về nhưng vợ không chịu về. Theo anh vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn, vợ bị áp lực gia đình do vợ chồng sống chung với cha mẹ anh, cha anh có đi làm nhưng không đưa tiền phụ giúp gia đình, chi phí hàng tháng của cha mẹ anh là do vợ chồng anh lo, cha mẹ anh

thường xuyên gây gổ cãi nhau về tiền bạc trước mặt vợ anh. Vì vậy vợ anh buồn nên muốn ly hôn. Nay vợ yêu cầu ly hôn, anh không đồng ý do còn thương vợ.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Lê Nguyễn Khánh V, sinh ngày 13-12-2013. Hiện cháu đang sống với anh. Anh yêu cầu được nuôi dưỡng cháu V, không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và các Hội thẩm tham gia Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh N có đơn xin vắng mặt, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L. Chị L được ly hôn với anh N; tài sản chung và nợ chung anh chị không yêu cầu nên không giải quyết, đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung của chị L; giao anh N được nuôi con chung tên Lê Nguyễn Khánh V, sinh ngày 13-12-2013, ghi nhận anh N không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con; đương sự phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Lê Viết N có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh tại phiên tòa là phù hợp quy định pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Trúc L và anh Lê Viết N tự nguyện chung sống từ tháng 01 năm 2013, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Chị L có yêu cầu ly hôn, Tòa án thụ lý giải quyết theo thủ tục chung.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của chị L thì thấy: Chị L cho rằng anh N thường tham gia cá độ đá banh gây nợ nần, anh N đi làm có đưa tiền lương cho chị nhưng kêu chị đưa

lại cho anh tiêu xài còn nhiều hơn số tiền anh đưa, vợ chồng sống chung với cha mẹ chồng, chỉ tiêu trong gia đình chồng thì vợ chồng chị phải lo nhưng anh N không lo cho gia đình, hai vợ chồng thường gây gổ về tiền bạc, khi vợ chồng cãi nhau anh N còn đánh và đuổi chị đi. Anh N cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn, vợ bị áp lực gia đình do vợ chồng sống chung với cha mẹ anh, cha anh có đi làm nhưng không đưa tiền phụ giúp gia đình, chi phí hàng tháng của cha mẹ anh là do vợ chồng anh lo, cha mẹ anh thường xuyên gây gổ cãi nhau về tiền bạc trước mặt vợ anh. Vì vậy vợ anh buồn nên muốn ly hôn. Từ đó cho thấy anh chị thường xuyên gây gổ nhau về tiền bạc do kinh tế gia đình khó khăn. Trong cuộc sống vợ chồng anh chị chưa thực sự quan tâm, chăm sóc, chia sẻ, giúp đỡ nhau dẫn đến vợ chồng không hòa hợp, sống không hạnh phúc. Anh chị sống ly thân từ tháng 02 năm 2017, anh N không đồng ý ly hôn nhưng không có thiện chí hàn gắn quan hệ hôn nhân. Xét thấy, mâu thuẫn của anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân của anh chị không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L là phù hợp quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Nguyễn Khánh V, sinh ngày 13-12-2013. Hiện cháu đang sống với anh N. Cả hai anh chị đều có yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu người kia phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy hai anh chị đều có kiện nuôi con như nhau. Tuy nhiên, cháu V còn nhỏ, lại là con gái cần có mẹ chăm sóc nên giao chị L tiếp tục nuôi dưỡng và giáo dục cháu V là phù hợp quy định tại Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về tài sản chung: Chị L rút yêu cầu chia tài sản chung, nên Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung của chị L, anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

Chị L có quyền khởi kiện lại theo quy định pháp luật.

[6] Về nợ chung: Anh chị khai không có nên không đặt ra giải quyết.

Từ những nhận định trên, xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát có phần là phù hợp, đúng pháp luật, nhưng cũng có phần chưa phù hợp quy định pháp luật nên cần chấp nhận một phần đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[7] Về án phí: Chị L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Do chị L rút yêu cầu chia tài sản chung nên cần trả lại tiền tạm ứng án phí chia tài sản cho chị L theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;
Căn cứ vào các Điều 147, 217, 218, 228, 244, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội
ngày 30-12-2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Trúc L với anh Lê Viết N. Chị L được ly hôn với anh N.

2. Về con chung: Giao chị L được nuôi dưỡng và giáo dục cháu Lê Nguyễn Khánh V, sinh ngày 13-12-2013, anh N không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh N có trách nhiệm giao con cho chị L.

Anh N có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung của chị L, anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

Chị L có quyền khởi kiện lại theo quy định pháp luật.

4. Về nợ chung: Anh chị khai không có nên không đặt ra giải quyết.

5. Về án phí: Chị L chịu 300.000 đồng án phí. Khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 600.000 đồng theo biên lai thu số 0011980 ngày 14-4-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Dầu, chị L được nhận lại 300.000 đồng.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án báo cho đương sự biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh, riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- CC THADS huyện Gò Dầu;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trương Thị Bình

